

Ho Chi Minh City June 7, 1988

TO : THE DIRECTOR OF ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
AMERICAN EMBASSY
BOX 58 - APO SAN FRANCISCO 96346 - 0001
BANGKOK - THAILAND

SUBJ: Application for Special Immigrant Visa to the United States, for admission to USA under ODP criteria, category 2.

Dear Sir/Madam,

I undersigned : Tan, Luu Thi - Sex: Female.

- DOB/POB : December 16, 1950 at Hoan Long, Hanoi - Vietnam
- Nationality: Vietnamese - Religion : Roman Catholic,
- Pre-1975 ID card No. 01080076, issued by Thu Duc, RVN Police District on June 19, 1969.
- Residence/Mailing address : 92 Tam Hai, Tam Binh, Thu Duc, Ho Chi Minh City - SRVN

Am honorably and respectfully solicit your kind consideration, your assistance in order that my family and I, would be sooner, the better enrolled into U.S. Visa Entry Working List for being authorized to immigrate to the United States of America, under ODP criteria, category 2.

Formerly I had served for the USAF and USARV during a long period - The following is my work data:

Service period:	Function :	Pay Plan :	Direct Supervisor:	Name and location of employing Office
From Aug. 1966: thru Mar. 1970:	Nursing assistant :	VGS2/1	(Forgotten : as long time)	- 79th Engr. Group, 168th Engr. BN, APO-96289, Lai Khe (Phu Cuong), USARV.
From 1970 thru 1971	Nursing :	VGS-2/1	- do -	46th Long Binh Area Hospital, USARV
From 1972 thru April 30, 1975:	Supply Clerk :	VGS-4/1	- do -	Long Binh PDO/PDHA, Saigon Island
	(5 or 6 months) :			
	Security :	VGS-3/7	- do -	I.C.C.V Long Binh Area, USARV.

The following are members of my family, who will accompany me:

No :	Full name	D.O.B.	Relationship
1 :	Thanh, Hoang Van	1953	Husband
2 :	Ngoc, Hoang Luu My	1977	Daughter
3 :	Vuong, Hoang Quoc	1979	Son
4 :	Quoc, Hoang Anh	1982	Son

Note: All papers/documents concerned my former jobs as mentioned above were burned out by my precaution on April 30, 1975.

Counting to your kindness and in impatiently awaiting for your help, I hopefully expect that my present petition would be favourably considered, I beg to remain,

Yours very Gratefully/Respectfully,

Enclosure:

Madam TAM, LUU THI

One copy of Form 50
(Reduction-In-Force)
Signed by: W. A. WYRICK
Chief, Employment and Services
(dated: March 31, 1970)

P.S: I get paid by O and MA funds.

QUESTIONNAIRE FOR QDP APPLICANTS

Câu hỏi cho người nộp đơn

DATE June 11th 1988
Ngày

A/BASIC IDENTIFICATION DATA

Lý lịch căn bản

1.-NAME

Họ Tên

TAN, Lùn - Thi

2/OTHER NAMES

Họ tên khác

NONE

3/ DATE / PLACE OF BIRTH

Ngày/ Nơi sinh

Decembre 16th 1970

4/ RESIDENCE ADDRESS

Địa chỉ thường trú

92 TAM HAI (H) TAM BINH (V) THỦ

5/ MAILING ADDRESS

Địa chỉ thư từ

ĐỨC (D) - HO CHI MINH CITY

SAME ABOVE

6/ CURRENT OCCUPATION

Nghề nghiệp

HOME-WORK

B/ RELATIVES TO ACCOMPANY ME

Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible. To accompany you list marital status (MS) as follows: Married (M) Diverse (D) Widowed (W) or Single (S)

(CHÚ Ý : Vợ chồng và con cái có thể cùng đi với bạn thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M) góa phụ, góa thê (M) Đã ly dị (D) hoặc độc thân (S).

NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	MARITAL STATUS	RELATIONSHIP
Họ tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Phái	Tình trạng gia đình	Liên hệ gia đình

1-	THánh, Hoàng Văn	1973	VINH NINH	M	Husband
2-	Ngọc, Hoàng Lùn Mỹ	1977	Thủ Đức	F	Daughter
3-	Vương, Hoàng Quốc	1979	Thủ Đức	M	Son
4-	Quốc, Hoàng Anh	1982	Thủ Đức	M	Son

NOTE : for the persons listed above , we will need legible copies of birth certificates , marriage certificates (if married) divorce decrees (if divorced) spouse's death certificates (if widowed) , identification cards (if available) and photos if any of the above accompanying relatives do not live with you , please note their addresses in section I below .

CHÚ Ý: cho mỗi người có tên trên danh sách trên , chúng tôi cần một bản khai sinh , giấy tử (nếu đã lập gia đình rồi) giấy ly hôn (nếu đã ly dị) giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ / góa夫) thẻ căn cước (nếu có) và hình . Nếu bà con cùng đi với bạn không chung ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I .

C/ RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

Họ hàng ở ngoài quốc

1. CLOSEST RELATIVE IN THE U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. NAME

Họ tên

HINH, Nguyễn Thị

b. RELATIONSHIP

Liên hệ gia đình

chị họ

c. ADDRESS

Địa chỉ

USA

2. CLOSEST RELATIVE IN OTHER FOREIGN COUNTRIES

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. NAME

Họ tên:

Mênh, Bùi Thị

b. RELATIONSHIP

Liên hệ gia đình

em họ

c. ADDRESS

Địa chỉ

D/ COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING / DEAD)

Danh sách toàn thể gia đình (Sống / chết)

1. FATHER

Cha :

Khánh, Lưu Văn (c)

2. MOTHER

Mẹ :

Nhơn, Nguyễn Thị (c)

3. SPOUSE

Vợ / chồng:

4. FORMER SPOUSE (if any)

Vợ / chồng trước (nếu có)

5. CHILDREN

Con cái:

6. SIBLINGS
Anh chị em

E/ EMPLOYMENT BY U.S GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc vợ / chồng đã có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ.

1. NAME OF PERSON EMPLOYED

Họ tên nhân viên

TAN, Lữ Thi

2. DATE

Ngày tháng năm

Aug - 18 - 1966

3. TITLE OF (LAST) POSITIONS HOLD

Chức vụ công việc

SECURITY

4. AGENCY / COMPANY / OFFICE

Sở / Công ty / văn phòng

Long Binh P.O. / P.D.H.A
SAIGON ISLAND

5. NAME OF (LAST) SUPERVISOR

Tên họ người giám thị :

FORGOTTEN as longtime

6. REASON FOR LEAVING

Lý do ra đi:

Khó khăn

7. TRAINING FOR TOB IN VIETNAM

Nghề nghiệp huấn luyện tại Việt Nam:

F/ SERVICE WITH GVN OR RVNAP BY YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn, Vợ / chồng đã công vụ với Chính phủ Việt Nam

1. NAME OF PERSON SERVING

Họ tên người tham gia:

THÀNH, Hoàng Văn

2. DATE

Ngày tháng năm

FROM

TO

TO

ĐẾN

3. LAST RANK

Cấp bậc cuối cùng:

T.S.T

4. MINISTRY / OFFICE / MILITARY UNIT

Bộ / sở / Đơn vị / Binh chủng:

Bộ Binh

5. NAME OF SUPERVISOR / C.O

Họ tên người giám thị / Sĩ quan chỉ huy:

6. REASON FOR LEAVING

Lý do ra đi :

Khó khăn

7. NAME OF AMERICAN ADVISOR (S)

Họ tên Cố vấn Mỹ :

forgetten as longtime

8. US TRAINING COURSES IN VIETNAM

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt Nam :

9. US AWARDS OR CERTIFICATES

Giấy khen hoặc chứng thư do Hoa Kỳ cấp :

(NOTE : Please attach an copies of diplomas awards or certificates , if available . Available ? YES - NO
CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng , giấy ban khen hoặc chứng thư , nếu có . Đừng sự có không ? CÓ - KHÔNG)

G/ TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc vợ / chồng huấn luyện tại ngoài quốc

1. NAME OF STUDENT / TRAINEE

Họ tên Sinh viên / Người được huấn luyện :

2. SCHOOL AND SCHOOL ADDRESS

Trường và địa chỉ trường :

3. DATE

Ngày tháng năm

4. DESCRIPTION OF COURSES

Mô tả ngành học:

5. WHO PAID FOR TRAINING ?

AI trả tiền cho chương trình huấn luyện :

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders if available.
Available ? YES - NO)

CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo văn bằng hoặc chỉ thị , nếu có
Bạn có hay không ? CÓ - KHÔNG)

H/ RE -EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc vợ / chồng đã học tập cải tạo

1. NAME OF PERSON IN RE-EDUCATION

Họ tên người đi học tập cải tạo :

2. TOTAL TIME IN RE-EDUCATION

Tổng cộng thời gian học tập cải tạo :

YEAR

Năm 1975

MONTHS

Tháng 7

DAYS

Ngày 15

3 ngày

3. STILL IN RE-EDUCATION ?

Vẫn còn học tập cải tạo ?

YES

Có

NO

Không

(If released , we must have a copy of your release certificate
Nếu được thả , chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại)

I/ ANY ADDITIONAL REMARKS

Quốc chủ phụ thuộc

SIGNATURE

Ký tên

DATE

Ngày

June 11th 1988

Lưu Thị Tân

J/ Please list here all documents attached to this questionnaire
Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này .

131 SOI TIEN SIANG
SATHORN TAI ROAD
BANKOK THAILAND

NOTIFICATION OF PERSONNEL ACTION

(EMPLOYEE - See General Information on Reverse)

OFFICE COMMISSION
A Ch. 295

Exception

OR AGENCY USE;

1. NAME (CAPS) LAST - FIRST - MIDDLE TAN LUU THI		MR. - MRS. - MISS Miss		2. (FOR AGENCY USE) ID# 457838	3. BIRTH DATE (Mo., Day, Year) 11-12-50	4. SOCIAL SECURITY NO. FNO
5. VETERAN PREFERENCE 1. - NO 3. - 10 PT. DISAB. 5. - 10 PT. OTHER 2. - 5 PT. 4. - 10 PT. COMP.				6. TENURE GROUP	7. SERVICE COMP. DATE 10-66	
8. RETIREMENT 1. - COVERED (reg. or declined opt.) 3. - WAIVED 2. - INELIGIBLE 4. - COVERED (reg. and opt.)				10. RETIREMENT 1. - CS 3. - FS 5. - OTHER 2. - FICA 4. - NONE	11. (FOR CSC USE)	
9. DATE OF ACTION Reduction In Force				13. EFFECTIVE DATE (Mo., Day, Year) 03-31-70	14. CIVIL SERVICE OR OTHER LEGAL AUTHORITY	
15. POSITION TITLE AND NUMBER Nursing Assistant				16. PAY PLAN AND OCCUPATION CODE VGS	17. (a) GRADE (b) STEP OR LEVEL OR RATE 2/1	18. SALARY PH: 38.0.00
19. NAME AND LOCATION OF EMPLOYING OFFICE US Army Vietnam 79th Engineer Group 168th Engineer Battalion (C) (A) APO 96289						

20. POSITION TITLE AND NUMBER		21. PAY PLAN AND OCCUPATION CODE	22. (a) GRADE (b) STEP OR LEVEL OR RATE	23. SALARY
24. NAME AND LOCATION OF EMPLOYING OFFICE				
25. DUTY STATION (City-State) Lai Kh., RVN				26. LOCATION CODE 95-4515-945
27. APPROPRIATION O & MA Funds		28. POSITION OCCUPIED 1 - COMPETITIVE SERVICE 2 - EXCEPTED SERVICE 2	29. APPORTIONED POSITION (FROM:) (TO:) STATE 1 - PROVED 2 - WAIVED	

30. REMARKS:

☐ A. SUBJECT TO COMPLETION OF 1 YEAR PROBATIONARY (OR TRIAL) PERIOD COMMENCING

☐ B. SERVICE COUNTING TOWARD CAREER (OR PERM) TENURE FROM:

SEPARATIONS: SHOW REASONS BELOW, AS REQUIRED. CHECK IF APPLICABLE: ☐ C. DURING PROBATION

Reason: Unit redeploying to Conus.
 Eligible for Separation Allowance for 3 years, 7 months and 13 days.
 Two weeks compensation will be paid employees in lieu of notice period.
 Lump sum payment for accrued annual leave to employees credit and prorated portion of Tet Bonus will be paid with final pay.
 This action constitutes a release for purposes of accepting employment with another US Government agency or a US or Free World private contractor associated with a US Government.
 Forwarding address: 5/6 Ap Tam Hai, Tam Binh Thu Duc, Gia Dinh.

31. DATE OF APPOINTMENT AFFIDAVIT (Accessions only)		34. SIGNATURE (Or other authentication) AND TITLE FOR THE APPOINTING OFFICER <i>W. A. WYRICK</i> W. A. WYRICK Chief, Employment & Services 03-31-70 3222	
32. OFFICE MAINTAINING PERSONNEL FOLDER (If different from employing office) Long Binh area CIO USARV			
33. CODE 41 AR 00	EMPLOYING DEPARTMENT OR AGENCY DEPARTMENT OF THE ARMY	35. DATE	

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THE CẦN-CƯỚC

Số 01028075

Họ Tên LÊ-THỊ-TÂN

II

II

Ngày, nơi sinh 16-12-1950

Nam-Di-Thuong, Hoàn-Long

Cha Lưu-Văn-Chanh

Mẹ Nguyễn-Thị-Nhơn

Địa chỉ 6/3 Ấp Tam-Hai, Tam-Bình

Quận Bình



Dấu vết răng

- Châm sọc 3 trên đầu máy
trái.

Th 43 X.

Hạng 40 K.

Chữ ký đương sự.

THỦ-ĐỨC

19-06-69

TRƯỞNG-ĐOÀN

CHỊ-CƯỚC



PHẠM-ĐỨC-LONG

Ủy Ban Quân Quản

Thành Phố Sài Gòn - Gia Định

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM

Độc lập - Dân Chủ - Hòa Bình -- Trung Lập

Số 112.../CN

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ HỌC TẬP CẢI TẠO



Họ và tên thật: HOANG VAN THANH...

Tên thường gọi:

Ngày sinh: 2/1/53

Quốc quán: Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 15/3.../...

Hiện tại đang ở: ...

Số căn cước: ... Cấp bậc: 1.8...

Chức vụ đang giữ: ... Bình chủng: ...

Chức vụ bí mật: ... Đơn vị: 8.1.../...

ĐÃ HỌC TẬP: ... NGÀY TẠI: ...

Ngân chi trái

NHÂN DẠNG : Cao 1m 50... Nặng 50kg...
Dấu riêng

Số phát ngày 15 tháng 7 năm 1975

ĐƠN VỊ BAN QUẢN CHỐI

Đoàn Công An Tỉnh

Ngân chi phải

ĐOÀN CÔNG AN TỈNH

- CHÚ Ý :**
- Khi về phải xuất trình giấy chứng nhận này cho địa phương.
 - Nghiêm chỉnh chấp hành nội dung và trưng chỉ h sách của chính quyền cách mạng.
 - Luôn luôn chấp sự giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương và tự học tập cải tạo để mau chóng trở thành người dân lương thiện.
 - Mặt phải báo cáo ngay cho chính quyền và an ninh địa phương.

TỈNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY-BAN NHÂN-DÂN

Qu: TUYÊN-ĐỨC

TAM-BÌNH

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu: 032

Năm: 1977

Lập ngày 22 tháng 02 năm 1977

Họ tên	HOÀNG - LƯU - MỸ - NGỌC
Trai hay gái	- Nữ -
Ngày, tháng, năm sanh	Mười Lăm Tháng Hai Dương-Lịch Năm Một Ngàn Chín Trăm Bảy Mười Bảy hồi 16 giờ 30
Nơi sanh	Nhà Bảo-Sanh Ấp Khiết-Tam, Xã Tam-Bình
Họ tên, quốc tịch cha	HOÀNG - VĂN - THÀNH Việt-Nam
Họ tên, quốc tịch mẹ	LƯU - THỊ - TÂN Việt-Nam
Cha mẹ có hôn thú không	Có hôn-thú



UB. ND. Xã Tam-Bình

SAO LỤC

THÀNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH, ngày 22 tháng 02 năm 1977

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



Trần Văn...

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUẬN THỦ ĐỨC

PHƯỜNG (XÃ) THỦ ĐỨC - BÌNH

SỐ HIỆU 008

SỐ BỘ NĂM 1976

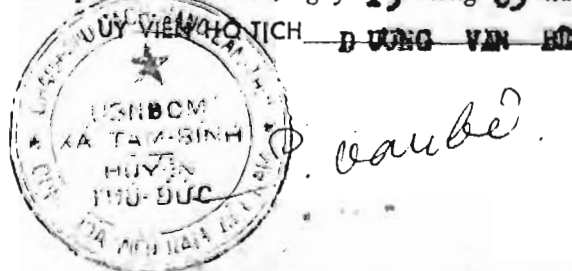
BẢN SAO GIẤY HÔN THỦ

Họ, tên chồng	HOÀNG VIN THANH
Ngày và nơi sanh	Ngày Hai Mười Tháng Hai Năm - 1953 -
Họ, tên tuổi và quốc tịch cha chồng	HOÀNG VIN VŨ 65 Tuổi Việt - Nam (Sống/Chết)
Họ, tên, tuổi và quốc tịch mẹ chồng	TRẦN THỊ ĐEN 55 Tuổi Việt - Nam (Sống/Chết)
Họ, tên vợ	LƯU THỊ TÂN
Ngày và nơi sanh	Ngày Mười Sáu Tháng Mười Hai Năm - 1950 -
Họ, tên cha vợ	LƯU VĂN KHANH (Sống/Chết)
Họ, tên mẹ vợ	NGUYỄN THỊ NHƠN (Sống/Chết)
Ngày lập hôn thú	Ngày Mười Lăm Tháng Ba Năm 1976 - Giờ 9 Giờ
Có lập hôn khế không	/ /

CHỮ THÍCH

SAO Y BẢN CHÍNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 1976



MÄu HT2/P3

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Xã, thị trấn : Thị trấn
Thị xã, quận : Thị xã
Thành phố, tỉnh : Thị trấn

GIẤY KHAI SINH

Số 1898
Quyển số 42

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

Họ và tên	HOANG ANH QUOC		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày sinh: 22/07/1953 Năm sinh: 1953			
Nơi sinh	Xã Thanh Bình			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	HOANG VAN THANH 1953		HUU THI TAN 1953	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Lâm nghiệp		Đào tạo	
Nơi ĐKNK thường trú	092 ấp Tân Hòa Xã Tân Bình		092 ấp Tân Hòa Xã Tân Bình	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	HOANG VAN THANH 1953 092 ấp Tân Hòa Xã Tân Bình			



Đã ký ngày 05 tháng 06 năm 1982
TM/UBND Tam Bình Ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Bill and Jim

CY SẠCH CHUẨN ĐƠN.

Ấp thị trấn : Tam Bình
Thị xã huyện: Thủ Đức
Thành phố, Tỉnh: H.C.N

ÔNG LƯU KÝ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

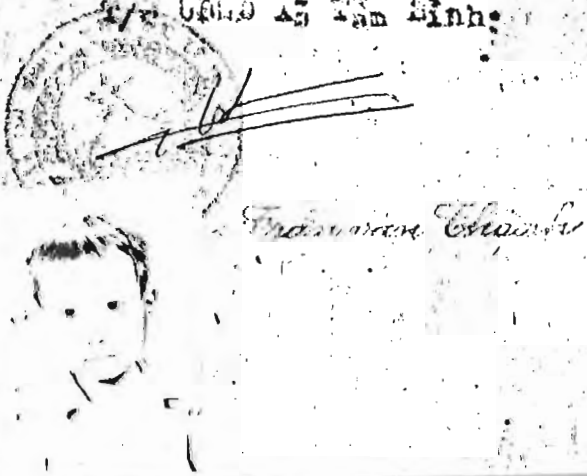
BẢN BẢO KHAI SẠCH.

GIẤY KHAI SẠCH. Số: 1174
Seri số: 01

Họ và tên	:	HOANG QUOC VUONG	:	Nam, nữ:	Nam
Sinh ngày	:	Ngày hai mươi một tháng bảy năm một	:		
tháng năm	:	nhất chín trăm bảy mươi chín	:		
	:	(21/ 07/1979)	:		
Nơi sinh	:	nhà bảo sanh Hạnh Phúc	:		
Khởi về cho mẹ	:	Cha	:	Mẹ	
Họ tên tuổi (hoặc	:	HOANG VAN THANH	:	LƯU THỊ TÂN.	
ngày tháng năm	:	1955	:	1950	
sinh	:		:		
Đen tộc	:	XINH	:	Xinh	
Mục đích	:	Việt Nam	:	Việt Nam	
Nghề nghiệp	:	Công nhân	:	Nội trợ	
Nơi làm thường	:	92 ấp Tân Hải	:	92 ấp Tân Hải	
trú	:		:		
Họ tên tuổi nơi	:	HOANG VAN THANH	:	1955	
làm thường trú	:		:		
số giấy chứng	:	92 ấp Tân Hải	:	Ấp Tân Bình Huyện Thủ Đức	
minh hoặc GRCU	:		:		
của người đứng	:		:		
khởi	:		:		

Đang ký ngày 27 tháng 7 năm 1979
(đã ký)
Bùi Văn Già

Số 1 BÀN CHÁNH
Ngày 14 tháng 07 năm 1982
T/Đ BẢO AN Tam Bình:



PEOPLE COUNCIL

SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM

FORM HT2/P3

WARD : TAM BINH

INDEPENDENT-LIBERTY-HAPPINESS

DISTRICT: THU DUC

CITY: HO CHI MINH

BIRTH CERTIFICATE

NUMBER: 1828

BOOK : 02

NAME : HOANG ANH QUOC SEX : MALE
DATE OF BIRTH : JULY 22, 1982
PLACE OF BIRTH : HANH PHUC MATERNITY HOSPITAL
FATHER'S NAME : HOANG VAN THANH BORN IN 1953
NATIONALITY : LOW-LANDER, VIETNAM PROFESSION: FARMER
MOTHER'S NAME : LUU THI TAN BORN IN 1956
NATIONALITY : LOW-LANDER, VIETNAM PROFESSION: HOUSEWIFE
ADDRESS : 092 BLOCK TAM HAI, WARD TAM BINH
CLAIMANT : HOANG VAN THANH 1953, 092 BLOCK TAM HAI WARD
TAM BINH

+++++

REGISTERED ON AUGUST 5, 1982

PEOPLE COUNCIL WARD TAM BINH

SEAL & SIGNATURE

BUI VAN GIA

I, TRAN THANH MINH, CERTIFY THAT THE FOREGOING DOCUMENT TRANSLATION
FROM VIETNAMESE INTO ENGLISH IS TRUE AND CORRECT ACCORDING TO THE
BEST OF MY KNOWLEDGE AND BELIEF.

TRANSLATOR: TRAN THANH MINH



2118 KNOX SAINT LOUIS MO 63139

AUGUST 2, 1988

HO CHI MINH CITY
DISTRICT: THU DUC
WARD : TAM BINH
NUMBER : 008
YEAR BOOK: 1976

MARRIAGE CERTIFICATE

HUSBAND'S NAME : HOANG VAN THANH
DATE OF BIRTH : FEBRUARY 20, 1953
FATHER'S NAME & NATIONALITY: HOANG VAN VU, 65 YEAR OLD, VIETNAM
MOTHER'S NAME & NATIONALITY: TRAN THI DEN, 55 YEAR OLD, VIETNAM
WIFE'S NAME : LUU THI TAN
DATE OF BIRTH : DECEMBER 16, 1950
FATHER'S NAME : LUU VAN KHANH
MOTHER'S NAME : NGUYEN THI NHON
DATE ESTABLISHING MARRIAGE

CERTIFICATE: MARCH 15, 1976 at 9:00

IS THERE ANY MARRIAGE AGREE

AGREEMENT : //////////////////////////////////

EXACT COPY OF MARRIAGE CERTIFICATE

HO CHI MINH CITY, MARCH, 15 1976

VITAL & STATISTIC OFFICER

SEAL & SIGNATURE

DUONG VAN BE

I, TRAN THANH MINH, CERTIFY THAT THE FOREGOING DOCUMENT
TRANSLATION FROM VIETNAMESE INTO ENGLISH IS TRUE AND CORRECT
ACCORDING TO THE BEST OF MY KNOWLEDGE AND BELIEF.

TRANSLATOR: TRAN THANH MINH



2118 KNOX SAINT LOUIS MO 63139

AUGUST 2, 1988

FRONT SIDE

REPUBLIC OF VIETNAM

IDENTIFICATION CARD

NUMBER: 83088878

NAME : LUU THI TAN
DATE OF BIRTH : DECEMBER 16,1950
PLACE OF BIRTH: NAM THUONG DU, HOAN LONG
FATHER'S NAME : LUU VAN KHANH
MOTHER'S NAME : NGUYEN THI NHON
ADDRESS : 6/3 AP TAM HAI, TAM BINH

BACK SIDE

SPECIAL MARK:

- SCARCE POINT, 3 cm ABOVE THE END OF LEFT EYEBROWN

HEIGHT: 5 ft WEIGHT: 43 kilos

SIGNATURE:

THU DUC, JUNE 19,1969

OFFICER IN CHARGE OF IDENTIFICATION SECTION

FINGER PRINT

(SEAL & SIGNATURE)

PHAM DUC LONG

I, TRAN THANH MINH, CERTIFY THAT THE FOREGOING DOCUMENT TRANSLATION
FROM VIETNAMESE INTO ENGLISH IS TRUE AND CORRECT ACCORDING TO THE BEST
OF MY KNOWLEDGE AND BELIEF.

TRANSLATOR: ~~TRAN THANH MINH~~



2118 KNOX SAINT LOUIS MO 63139

AUGUST 2, 1988

HO CHI MINH CITY

PEOPLE COUNCIL

DISTRICT: THU DUC

WARD : TAM BINH

EXCERPT OF BIRTH CERTIFICATE

NUMBER:083

YEAR : 1977

ESTABLISHED ON FEBRUARY 22, 1977

NAME : HOANG LUU MY NGOC
SEX : FEMALE
DATE OF BIRTH : FEBRUARY 15, 1977 at 6:30 pm
PLACE OF BIRTH : MATERNITY HOSPITAL AP KHIET TAM WARD TAM
BINH
FATHER'S NAME : HOANG VAN THANH NATIONALITY: VIETNAM
MOTHER'S NAME : LUU THI TAN NATIONALITY: VIETNAM
IS PARENT LEGALLY MARR-
IED : YES

PEOPLE COUNCIL OF WARD TAM BINH, HO CHI MINH CITY

22 February 1977

VITAL & STATISTIC OFFICER

SEAL AND SIGNATURE

DUONG VAN BE

I, TRAN THANH MINH, CERTIFY THAT THE FOREGOING TRANSLATION DOCUMENT
FROM VIETNAMESE INTO ENGLISH IS TRUE AND CORRECT ACCORDING TO THE
BEST OF MY KNOWLEDGE AND BELIEF.

TRANSLATOR: ~~TRAN THANH MINH~~



2118 KNOX

SAINT LOUIS MO 63139

AUGUST 2, 1988



Ho Chi Minh City June 7, 1988

TO : THE DIRECTOR OF ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
AMERICAN EMBASSY
BOX 58 - APO SAN FRANCISCO 96346 - 0001
BANGKOK - THAILAND

SUBJ: Application for Special Immigrant Visa to the United States, for admission to USA under ODP criteria, category 2.

Dear Sir/Madam,

I undersigned : Tan, Luu Thi - Sex: Female.

- DOB/POB : December 16, 1950 at Hoán Long, Hanoi - Vietnam
- Nationality: Vietnamese - Religion : Roman Catholic,
- Pre-1975 ID card No. 01080076, issued by Thu Duc, RVN Police District on June 19, 1969.
- Residence/Mailing address : 92 Tam Hai, Tam Binh, Thu Duc, Ho Chi Minh City - SRVN

Am honorably and respectfully solicit your kind consideration, your assistance in order that my family and I, would be sooner, the better enrolled into U.S. Visa Entry Working List for being authorized to immigrate to the United States of America, under ODP criteria, category 2.

Formerly I had served for the USAF and USARV during a long period - The following is my work data:

Service period:	Function :	Pay Plan :	Direct :	Name and location of empl- Supervisor: oying Office
From Aug. 1966: thru Mar. 1970:	Nursing assistant :	VGS2/1 :	(Forgotten : as long time)	- 79th Engr. Group, 168th Engr. BN, APO-96289, Lai Khe (Phu Cuong), USARV.
From 1970 thru 1971	Nursing :	VGS-2/1 :	- do -	46th Long Binh Area Hospital, USARV
From 1972 thru April 30, 1975:	Supply Clerk : (5 or 6 months) Security :	VGS-4/1 : VGS-3/7 :	- do - - do -	Long Binh PDO/PDHA, Saigon Island I.C.C.V Long Binh Area, USARV.

The following are members of my family, who will accompany me:

No :	Full name	D.O.B.	Relationship
1	Thanh, Hoang Van	1953	Husband
2	Ngoc, Hoang Luu My	1977	Daughter
3	Vuong, Hoang Quoc	1979	Son
4	Quoc, Hoang Anh	1982	Son

Note: All papers/documents concerned my former jobs as mentioned above were burned out by my precaution on April 30, 1975.

Counting to your kindness and in impatiently awaiting for your help, I hopefully expect that my present petition would be favourably considered, I beg to remain,

Yours very Gratefully/Respectfully,

Enclosure:

Madam TAN, LOU THI

One copy of Form 50
(Reduction-In-Force)
Signed by: W. A. WYRICK
Chief, Employment and Services
(dated: March 31, 1970)

P.S: I get paid by O and MA funds.

NOTIFICATION OF PERSONNEL ACTION
(EMPLOYEE - See General Information on Reverse)

FOR AGENCY USE:

1. NAME (CAPS) LAST - FIRST - MIDDLE TAN LUN THI		MR. - MRS. - MISS Miss		2. (FOR AGENCY USE) ID# 457838	3. BIRTH DATE (Mo., Day, Year) 11-12-50	4. SOCIAL SECURITY NO. PNO
5. VETERAN PREFERENCE 1. - NO 2. - 5 PT. 3. - 10 PT. DISAB. 4. - 10 PT. COMP. 5. - 10 PT. OTHER		6. TENURE GROUP		7. SERVICE COMP. BASE-10-66		11. (FOR CSC USE)
8. RETIREMENT 1. - COVERED (reg. or declined opt.) 2. - INELIGIBLE 3. - WAIVED 4. - COVERED (reg. and opt.)		10. RETIREMENT 1. - CS 2. - FICA 3. - FS 4. - NONE 5. - OTHER		14. CIVIL SERVICE OR OTHER LEGAL AUTHORITY		
9. DATE OF ACTION Reduction In Force		13. EFFECTIVE DATE (Mo., Day, Year) 03-31-70		17. (a) GRADE (b) STEP OR RATE 2/1		
10. POSITION TITLE AND NUMBER Nursing Assistant		16. PAY PLAN AND OCCUPATION CODE VGS		18. SALARY PH: 38.00		
12. NAME AND LOCATION OF EMPLOYING OFFICE US Army Vietnam 79th Engineer Group 168th Engineer Battalion (C) (A) APO 96289						

19. POSITION TITLE AND NUMBER		21. PAY PLAN AND OCCUPATION CODE	22. (a) GRADE (b) STEP OR RATE	23. SALARY
24. NAME AND LOCATION OF EMPLOYING OFFICE				
25. DUTY STATION (City-State) Lai Kh., RVN				26. LOCATION CODE 95-4515-945
27. APPROPRIATION O & MA Funds		28. POSITION OCCUPIED 1 - COMPETITIVE SERVICE 2 - EXCEPTED SERVICE 2	29. APPORTIONED POSITION (FROM:) (TO:) STATE 1 - PROVED 2 - WAIVED	

30. REMARKS:

☐ A. SUBJECT TO COMPLETION OF 1 YEAR PROBATIONARY (OR TRIAL) PERIOD COMMENCING

☐ B. SERVICE COUNTING TOWARD CAREER (OR PERM) TENURE FROM:

SEPARATIONS: SHOW REASONS BELOW, AS REQUIRED. CHECK IF APPLICABLE: ☐ C. DURING PROBATION

Reason: Unit redeploying to Conus.
Eligible for Separation Allowance for 3 years, 7 months and 13 days.
Two weeks compensation will be paid employees in lieu of notice period.
Lump sum payment for accrued annual leave to employees credit and prorated portion of Tet Bonus will be paid with final pay.
This action constitutes a release for purposes of accepting employment with another US Government agency or a US or Free World private contractor associated with a US Government.
Forwarding address: 5/6 Ap Tam Hai, Tam Binh Thu Duc, Gia Dinh.

31. DATE OF APPOINTMENT AS: DAVIT (Accessions only)		34. SIGNATURE (Or other authentication) AND TITLE FOR THE APPOINTING OFFICER <i>W. A. WYCK</i> W. A. WYCK Chief, Employment & Services 03-31-70	
32. OFFICE MAINTAINING PERSONNEL FOLDER (If different from employing office) Long Binh Area CRO USARV			
33. CODE 41 AR 00	EMPLOYING DEPARTMENT OR AGENCY DEPARTMENT OF THE ARMY	35. DATE 03-31-70	

QUESTIONNAIRE FOR QDP APPLICANTS

Câu hỏi cho người nộp đơn

DATE June 11th 1988
Ngày

A/BASIC IDENTIFICATION DATA

Lý lịch căn bản

1.-NAME

Họ Tên

TAN, Lùn - Thi

2/OTHER NAMES

Họ tên khác

NONE

3/ DATE / PLACE OF BIRTH

Ngày/ Nơi sinh

Decembe 16th 1970

4/ RESIDENCE ADDRESS

Địa chỉ thường trú

92 TAM HAI (*) TAM BINH (V) THỦ

5/ MAILING ADDRESS

Địa chỉ thư từ

ĐỨC (D) - HO CHI MINH CITY

SAME ABOVE

6/ CURRENT OCCUPATION

Nghề nghiệp

HOME-WORK

B/ RELATIVES TO ACCOMPANY ME

Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible. To accompany you list marital status (MS) as follows: Married (M) Diverse (D) Widowed (W) or Single (S)

(CHÚ Ý : Vợ chồng và con cái có thể cùng đi với bạn thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M) góa phụ, góa thê (M) Đã ly dị (D) hoặc độc thân (S).

NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	MARITAL STATUS	RELATIONSHIP
Họ tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Phái	Tình trạng gia đình	Liên hệ gia đình
1- Thanh, Hoàng Văn	1973	VINH NINH	M	Husband	
2- Ngọc, Hoàng Lân Mỹ	1977	Thủ Đức	F	Daughter	
3- Vương, Hoàng Quốc	1979	Thủ Đức	M	Son	
4- Quốc, Hoàng Anh	1982	Thủ Đức	M	Son	

NOTE : for the persons listed above , we will need legible copies of birth certificates , marriage certificates (if married) divorce decrees (if divorced) spouse's death certificates (if widowed) , identification cards (if available) and photos if any of the above accompanying relatives do not live with you , please note their addresses in section I below .

CHÚ Ý: cho mỗi người có tên trên danh sách trên , chúng tôi cần một bản khai sinh , giấy thú (nếu đã lập gia đình rồi) giấy ly hôn (nếu đã ly dị) giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ / góa tử) thẻ căn cước (nếu có) và hình . Nếu bà con cùng đi với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I .

C/ RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

Họ hàng ở ngoài quốc

1. CLOSEST RELATIVE IN THE U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. NAME

Họ tên

HINH, Nguyễn Thị

b. RELATIONSHIP

Liên hệ gia đình

chị họ

c. ADDRESS

Địa chỉ

2. CLOSEST RELATIVE IN OTHER FOREIGN COUNTRIES

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. NAME

Họ tên:

Mênh, Bùi Thị

b. RELATIONSHIP

Liên hệ gia đình

em họ

c. ADDRESS

Địa chỉ

D/ COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING / DEAD)

Danh sách toàn thể gia đình (Sống / chết)

1. FATHER

Cha :

Khánh, Lưu Văn (c)

2. MOTHER

Mẹ :

Nhơn, Nguyễn Thị (c)

3. SPOUSE

Vợ / chồng:

4. FORMER SPOUSE (if any)

Vợ / chồng trước (nếu có)

5. CHILDREN

Con cái:

6. SIBLINGS
Anh chị em

E/ EMPLOYMENT BY U.S GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc vợ / chồng đã có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ.

1. NAME OF PERSON EMPLOYED

Họ tên nhân viên

TAN, Lữm thi

2. DATE

Ngày tháng năm

Aug - 18 - 1966

3. TITLE OF (LAST) POSITIONS HOLD

Chức vụ công việc

4. AGENCY / COMPANY / OFFICE

Sở / Công ty / văn phòng

SECURITY

Long Binh P.O. / P.D. HA

SAIGON ISLAND

5. NAME OF (LAST) SUPERVISOR

Tên họ người giám thị :

FORGOTTEN as longtime

6. REASON FOR LEAVING

Lý do ra đi :

Khó khăn

7. TRAINING FOR TOP IN VIETNAM

Nghề nghiệp huấn luyện tại Việt Nam :

F/ SERVICE WITH GVN OR RVNAP BY YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn , Vợ / chồng đã công vụ với Chính phủ Việt Nam

1. NAME OF PERSON SERVING

Họ tên người tham gia :

THÀNH, Hoàng Vãn

2. DATE

Ngày tháng năm

FROM

Từ

TO

Đến

3. LAST RANK

Cấp bậc cuối cùng :

T.S.T

4. MINISTRY / OFFICE / MILITARY UNIT

Bộ / sở / Đơn vị / Binh chủng :

Bộ Binh

5. NAME OF SUPERVISOR / C.O

Họ tên người giám thị / Sĩ quan chỉ huy :

6. REASON FOR LEAVING

Lý do ra đi :

Khó khăn

7. NAME OF AMERICAN ADVISOR (S)

Họ tên Cố vấn Mỹ :

forgetten as longtime

8. US TRAINING COURSES IN VIETNAM

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt Nam :

9. US AWARDS OR CERTIFICATES

Giấy khen hoặc chứng thư do Hoa Kỳ cấp :

certificates, if available. Available ? YES - NO
CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy bạn khám hoặc
chứng thư, nếu có. Đừng sự có không ? CÓ - KHÔNG)

G/ TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc vợ / chồng huấn luyện tại ngoài quốc

1. NAME OF STUDENT / TRAINEE

Họ tên Sinh viên / Người được huấn luyện :

2. SCHOOL AND SCHOOL ADDRESS

Trường và địa chỉ trường :

3. DATE

Ngày tháng năm

4. DESCRIPTION OF COURSES

Mô tả ngành học:

5. WHO PAID FOR TRAINING ?

AI trả tiền chương trình huấn luyện :

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders if available.
Available ? YES - NO)

CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo văn bằng hoặc chỉ thị, nếu có
Bạn có hay không ? CÓ - KHÔNG)

H/ RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc vợ / chồng đã học tập cải tạo

1. NAME OF PERSON IN RE-EDUCATION

Họ tên người đi học tập cải tạo :

2. TOTAL TIME IN RE-EDUCATION

Tổng cộng thời gian học tập cải tạo :

YEAR

Năm 1975

MONTHS

Tháng 7

DAYS

Ngày 15

3. STILL IN RE-EDUCATION ?

Vẫn còn học tập cải tạo ?

YES

Có

NO

Không

(If released, we must have a copy of your release certificate
Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại)

I/ ANY ADDITIONAL REMARKS

Cước chủ phụ thuộc

SIGNATURE

Ký tên

Lưu Thị Tân

DATE

Ngày

June 11th 1988

J/ Please list here all documents attached to this questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này .

131 SOI TIEN SIANG
SATHORN TAI ROAD
BANKOK THAILAND

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUẬN THỦ ĐỨC

PHƯỜNG (XÃ) THỦ ĐỨC

SỐ HIỆU 008

SỐ BỘ NĂM 1976

BẢN SAO GIẤY HÔN THỦ

Họ, tên chồng	HOÀNG VINH THÀNH
Ngày và nơi sanh	Ngày Hai Mươi Tháng Hai Năm - 1953 -
Họ, tên tuổi và quốc tịch cha chồng	HOÀNG VINH VŨ 65 Tuổi Việt - Nam (Sống/ Chết)
Họ, tên, tuổi và quốc tịch mẹ chồng	TRẦN THỊ HẸM 55 Tuổi Việt - Nam (Sống/ Chết)
Họ, tên vợ	LƯU THỊ TÂN
Ngày và nơi sanh	Ngày Mười Sáu Tháng Mười Hai Năm - 1920 -
Họ, tên cha vợ	LƯU VĂN KHANH (Sống/ Chết)
Họ, tên mẹ vợ	NGUYỄN THỊ NHƠN (Sống/ Chết)
Ngày lập hôn thú	Ngày Mười Lăm Tháng Ba Năm 1976 - Giờ 9 Giờ
Có lập hôn khế không	/ /

CHỮ THÍCH

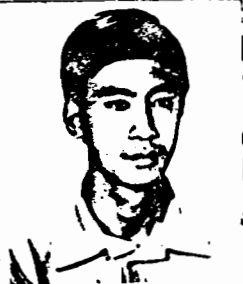
SAO Y BẢN CHÍNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 1976



DƯƠNG VĂN BÈ

cau be



1
HÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN

THị trấn TÁC-BÚC

TAM-BÌNH

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu

Năm

1977

Lập ngày 22 tháng 02 năm 1977

Họ tên	HOÀNG - LƯU - MỸ - NGỌC
Trai hay gái	- Nữ -
Ngày, tháng, năm sinh	Mười Lăm Tháng Hai Dương lịch Năm Một nghìn Trăm Bảy Mười Bảy hồi 16 giờ 30
Nơi sinh	Nhà Bảo-Sanh Ấp Khiết-Tâm, Xã Tam-Bình
Họ tên, quốc tịch cha	HOÀNG - VĂN - THANH Việt-Nam
Họ tên, quốc tịch mẹ	LƯU - THỊ - TÂN Việt-Nam
Cha mẹ có hôn thú không	Có hôn-thú



UB. ND. Xã Tam-Bình

SAO LỤC

HỒ CHÍ MINH, ngày 22 tháng 02 năm 1977

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



Trần Văn Đức

Trần Văn Đức

FRONT SIDE

REPUBLIC OF VIETNAM

IDENTIFICATION CARD

NUMBER: 83088878

NAME : LUU THI TAN
DATE OF BIRTH : DECEMBER 16, 1950
PLACE OF BIRTH: NAM THUONG DU, HOAN LONG
FATHER'S NAME : LUU VAN KHANH
MOTHER'S NAME : NGUYEN THI NHON
ADDRESS : 6/3 AP TAM HAI, TAM BINH

BACK SIDE

SPECIAL MARK:

- SCARCE POINT, 3 cm ABOVE THE END OF LEFT EYEBROWN

HEIGHT: 5 ft WEIGHT: 43 kilos

SIGNATURE:

THU DUC, JUNE 19, 1969

OFFICER IN CHARGE OF IDENTIFICATION SECTION

FINGER PRINT

(SEAL & SIGNATURE)

PHAM DUC LONG

I, TRAN THANH MINH, CERTIFY THAT THE FOREGOING DOCUMENT TRANSLATION
FROM VIETNAMESE INTO ENGLISH IS TRUE AND CORRECT ACCORDING TO THE BEST
OF MY KNOWLEDGE AND BELIEF.

TRANSLATOR: ~~TRAN THANH MINH~~



2118 KNOX SAINT LOUIS MO 63139

AUGUST 2, 1988

HO CHI MINH CITY

PEOPLE COUNCIL

DISTRICT: THU DUC

WARD : TAM BINH

EXCERPT OF BIRTH CERTIFICATE

NUMBER:083
YEAR : 1977

ESTABLISHED ON FEBRUARY 22, 1977

NAME : HOANG LUU MY NGOC
SEX : FEMALE
DATE OF BIRTH : FEBRUARY 15, 1977 at 6:30 pm
PLACE OF BIRTH : MATERNITY HOSPITAL AP KHIET TAM WARD TAM
BINH
FATHER'S NAME : HOANG VAN THANH NATIONALITY: VIETNAM
MOTHER'S NAME : LUU THI TAN NATIONALITY: VIETNAM
IS PARENT LEGALLY MARR-
IED : YES

PEOPLE COUNCIL OF WARD TAM BINH, HO CHI MINH CITY

22 February 1977

VITAL & STATISTIC OFFICER

SEAL AND SIGNATURE

DUONG VAN BE

I, TRAN THANH MINH, CERTIFY THAT THE FOREGOING TRANSLATION DOCUMENT
FROM VIETNAMESE INTO ENGLISH IS TRUE AND CORRECT ACCORDING TO THE
BEST OF MY KNOWLEDGE AND BELIEF.

TRANSLATOR: ~~TRAN THANH MINH~~



2118 KNOX

SAINT LOUIS MO 63139

AUGUST 2, 1988

PEOPLE COUNCIL

SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM

FORM HT2/P3

WARD : TAM BINH

INDEPENDENT-LIBERTY-HAPPINESS

DISTRICT: THU DUC

CITY: HO CHI MINH

BIRTH CERTIFICATE

NUMBER: 1828

BOOK : 02

NAME : HOANG ANH QUOC SEX : MALE
DATE OF BIRTH : JULY 22, 1982
PLACE OF BIRTH : HANH PHUC MATERNITY HOSPITAL
FATHER'S NAME : HOANG VAN THANH BORN IN 1953
NATIONALITY : LOW-LANDER, VIETNAM PROFESSION: FARMER
MOTHER'S NAME : LUU THI TAN BORN IN 1956
NATIONALITY : LOW-LANDER, VIETNAM PROFESSION: HOUSEWIFE
ADDRESS : 092 BLOCK TAM HAI, WARD TAM BINH
CLAIMANT : HOANG VAN THANH 1953, 092 BLOCK TAM HAI WARD
TAM BINH

+++++

REGISTERED ON AUGUST 5, 1982

PEOPLE COUNCIL WARD TAM BINH

SEAL & SIGNATURE

BUI VAN GIA

I, TRAN THANH MINH, CERTIFY THAT THE FOREGOING DOCUMENT TRANSLATION
FROM VIETNAMESE INTO ENGLISH IS TRUE AND CORRECT ACCORDING TO THE
BEST OF MY KNOWLEDGE AND BELIEF.

TRANSLATOR: TRAN THANH MINH



2118 KNOX SAINT LOUIS MO 63139

AUGUST 2, 1988

HO CHI MINH CITY
DISTRICT: THU DUC
WARD : TAM BINH
NUMBER : 008
YEAR BOOK: 1976

MARRIAGE CERTIFICATE

HUSBAND'S NAME : HOANG VAN THANH
DATE OF BIRTH : FEBRUARY 20, 1953
FATHER'S NAME & NATIONALITY: HOANG VAN VU, 65 YEAR OLD, VIETNAM
MOTHER'S NAME & NATIONALITY: TRAN THI DEN, 55 YEAR OLD, VIETNAM
WIFE'S NAME : LUU THI TAN
DATE OF BIRTH : DECEMBER 16, 1950
FATHER'S NAME : LUU VAN KHANH
MOTHER'S NAME : NGUYEN THI NHON
DATE ESTABLISHING MARRIAGE

CERTIFICATE: MARCH 15, 1976 at 9:00

IS THERE ANY MARRIAGE AGREE

AGREEMENT : //////////////////////////////////

EXACT COPY OF MARRIAGE CERTIFICATE

HO CHI MINH CITY, MARCH, 15 1976

VITAL & STATISTIC OFFICER

SEAL & SIGNATURE

DUONG VAN BE

I, TRAN THANH MINH, CERTIFY THAT THE FOREGOING DOCUMENT
TRANSLATION FROM VIETNAMESE INTO ENGLISH IS TRUE AND CORRECT
ACCORDING TO THE BEST OF MY KNOWLEDGE AND BELIEF.

TRANSLATOR: TRAN THANH MINH



2118 KNOX SAINT LOUIS MO 63139

AUGUST 2, 1988

CY HẠNH NHÂN DÂN.

Ấp thị trấn : Tam Bình

Thị xã huyện : Thủ Đức

Thành phố, Tỉnh : H.C.H

() CÔNG ĐOÀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

BẢN SƠ KHAI SINH.

GIẤY KHAI SINH.

Số: 1174

Quyển số: 01

Họ và tên : HOANG QUỐC VƯƠNG : Nam, nữ: Nam

Sinh ngày : Ngày hai mươi một tháng bảy năm một
tháng năm : nghìn chín trăm bảy mươi chín
(21/ 07/1979)

Nơi sinh : nhà bảo sanh Hạnh Phúc

Khởi về cho mẹ : Cha : Mẹ

Họ tên tuổi (hoặc : HOANG VAN THANH : LƯU THỊ TÂN.
ngày tháng năm : 1955 : 1950
sinh :)

Đan tộc : XINH : Sinh
mục đích : Việt Nam : Việt Nam

Nghề nghiệp : Công nhân : Hộ trợ
Nội dung thường : 92 ấp Tân Hải : 92 ấp Tân Hải
trú :

Họ tên tuổi nơi :
sinh thường trú : HOANG VAN THANH 1955
số giấy chứng : 92 ấp Tân Hải xã Tam Bình Huyện Thủ Đức
sinh hoặc CMCC :
của người đứng :
khởi :

Đang ký ngày 27 tháng 7 năm 1979
(đã ký)

Bùi Văn Gia

Đã 1 bản KHAI

Ngày 14 tháng 08 năm 1982

Trợ lý UBND xã Tam Bình:

Trần Văn Thanh

Xã, thị trấn: Jaen Bunka
Thị xã, qu: Ch. 3. Diat
Thành phố, lnh: 4211

GIẤY KHAI SINH

Số 1898
Quyển số 42

[illegible]

Họ và tên	HÀNG ANH QUỖC		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày sinh năm 1953 (22/07/1953)			
Nơi sinh	Xã Thanh/ Tỉnh			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	HÀNG VĂN THANH 1953		LÊ THỊ TÂN 1956	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Lâm nghiệp		Trồng lúa	
Nơi ĐKNK thường trú	092 ấp Tân Thạnh Xã Tân Bình		092 ấp Tân Thạnh Xã Tân Bình	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Hàng Văn Thanh 1953 092 ấp Tân Thạnh Xã Tân Bình			



Đã ký ngày 05 tháng 01 năm 1982
TM/UBND Tam Bình Ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Shri. M. S. Lim

Ủy Ban Quân Quân
Anh Phố Sài Gòn - Gia Định

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập - Dân Chủ - Hòa Bình - Trung Lập

Số 112.../CN

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐÀ HỌC TẬP CẢI TẠO**



Họ và tên thật: HOÀNG VĂN THANH
Tên thường gọi:
Ngày sinh: 1953
Quê quán: Lập Thạch, Vĩnh Phúc
Chức & hi: Trưởng ban
Thị trấn

Số căn cước: Cấp bậc: Trưởng
Chức vụ công khai: Trưởng ban Bình chung: Đã học tập
Chức vụ bí mật: Đơn vị: Số 1
ĐÀ HỌC TẬP Đã học tập **NGÀY TẠI** Thị trấn

Dấu vết răng:
- Chạm sẹo 3 trên đầu mày
trái.

Chữ ký được sự:

THỦ ĐỐC 29-06-69
TRƯỞNG ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC

PHẠM ĐỨC LONG



Ngân cử tri
Chấp hành

NIÊN DANG : Cao 1m 30... Nặng 55kg...
Dấu riêng : ...

Số rút ngày 15 tháng 7 năm 1975

TM TUYÊN BAN QUÂN QUẢN

Đoàn Công An Thủ Đức

ĐOÀN CÔNG AN THỦ ĐỨC

- CHÚ Ý :
- Khi về phải xuất trình giấy chứng nhận này cho địa phương.
 - Ngồi nhà chỉnh chấp hành nội quy trật tự của chính quyền cách mạng.
 - Luôn luôn chịu sự giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương và tự học tập cải tạo để mau chóng trở thành người dân lương thiện.
 - Mất phải báo cáo ngay cho chính quyền và an ninh địa phương.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THE CÂN-CƯỚC

Số 01088078

Họ Tên LƯU-THỊ-TÂN

Ngày, nơi sinh 16-12-1950

Nam-Trí-Thường, Hoàn-Long

Cha Lưu-Văn-Chanh

Mẹ Nguyễn-Thị-Nhơn

Độc chi 6/3 Ấp Tam-Hai, Tam-Bình



CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập - Dân Chủ - Hòa Bình - Trung Lập

SD 112-241...../CN

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐÃ HỌC TẬP CẢI TẠO



Họ và tên thật: HOÀNG VĂN THÂN...

Tên thường gọi

Ngày sinh 1953

Quốc quán *L. H. C. ...*

Chỗ ở hiện tại: 15/3...
Số nhà: 15/3...
Số điện thoại: 15/3...

Cho & hq : ...
T... ..

James M. Smith

.....Cấp bậc T.S.

.....Cap bực ...
.....Binh chủng ...

Bình chung ...

Datum vi

..... NGÀY TẠI
.....

NGAY TẠI: [illegible]

Đầu vế: rjehy

- Châm sọc 3 trên đầu mày trái.

Chữ ký được sử dụng:

THU-51C 29-06 69

TRƯỜNG-ĐOÀN HAI-CƯỚC

43: x2

50



PHU-VUC-LONG

NHÂN DẠNG : Cao 1m 5/0... Nặng 55kg...
Dấu riêng : ...

Số giấy này 15 tháng 7 năm 1975

ĐƠN VỊ BAN QUẢN CHỨC

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CHÍNH

MAC-DANG-CHIEU

- CHỈ Y :
- Khi về phải xuất trình giấy chứng nhận này cho địa phương.
 - Ngăn chặn chấp hành nội dung trưng chỉ h sách của chính quyền cách mạng.
 - Luôn luôn chịu sự giáo dục của chính quyền, nhận dân địa phương và tự học tập cải tạo để mau chóng trở thành người dân lương thiện.
 - Mất phải báo cáo ngay cho chính quyền và an ninh địa phương.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CÂN-CƯỚC

Số 01088078

Họ Tên LIU-THI-TÂN



Ngày, nơi sinh 16-12-1950

Nam-Trai-Chợ, Hoàn-Long

Cha Lưu-Văn-Chanh

Mẹ Nguyễn-Thị-Nhơn

Địa chỉ 6/2 Ấp Tam-Hai, Tam-Bình

Các hình

FR: PHUONG TRAN



US employee



AUG 26 1988

To:

HOI GIA DINH TU NHAN CHINH TRI VIET NAM

P.O. BOX. 5435

ARLINGTON, VA. 22205 - 0635

FIRST CLASS

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form *a/a/sb*
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date
☐ Membership; ~~Letter~~